

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HSST
Ngày 27-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quốc Việt

Bà Đỗ Thị Lài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Cao Nguyên Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Trung tâm Văn hóa Học tập cộng đồng thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo:

Võ Thị Hồng L, sinh năm 1983 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Võ Văn N (đã chết); Mẹ: Lê Thị M, sinh năm 1944; Chồng: Hứa Thiên P, sinh năm 1971 (Quốc tịch: Trung Quốc); có 01 con sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giam ngày 08/11/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đặng Thế L – Luật sư Văn phòng Luật sư Khang Chính thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- Bị hại: Chị Lê Thị Bé H, sinh năm 1984; địa chỉ: 10 Ô3/47 khu phố H, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư Tạ Ngọc V – Luật sư Văn phòng Tạ Ngọc V và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 4/2015, Nguyễn Thị Hiền (sinh năm 1985, nơi cư trú: 11 ấp Mỹ Quý, xã Tân Xuân, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre) gặp Võ Thị Hồng L cũng đang lấy chồng ở Trung Quốc. Hiền nhờ L tìm phụ nữ Việt Nam để đưa sang Trung Quốc bán cho đàn ông Trung Quốc lấy làm vợ. Nếu bán được 01 người phụ nữ Việt Nam thì Hiền sẽ đưa cho L 60.000.000đ (trong đó, đưa cho nạn nhân 30.000.000đ, số tiền còn lại do L phân chia cho những người tham gia khác), L đồng ý. Sau khi thỏa thuận xong, L điện thoại cho Nguyễn Thị Hải (sinh năm 1974, nơi cư trú: 1/22E ấp Hưng Lâm, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh) để Hiền nói chuyện với Hải về việc tìm phụ nữ Việt Nam bán cho đàn ông Trung Quốc lấy làm vợ với thỏa thuận sẽ đưa cho nạn nhân 30.000.000đ, L được 10.000.000đ, còn lại 20.000.000đ sẽ chia cho Hải và người tham gia khác nếu có. Hải đồng ý và nói khi nào tìm được sẽ L lạc với L.

Sau đó, Hải đã nói lại cho Vũ Thị Kim Loan (sinh năm 1968, nơi cư trú số 2Ô3/1 tổ 4, khu phố Phước Điền, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) biết và nhờ Loan cùng tìm người theo yêu cầu của Hiền và L. Sau đó, Loan biết chị Lê Thị Bé H (sinh năm 1984, trú tại khu phố Hải Lạc, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) có hoàn cảnh khó khăn nên Loan nói với H nếu đồng ý sang Trung Quốc lấy chồng thì sẽ được số tiền 30.000.000đ, H đồng ý. Loan điện thoại thông báo cho Hải biết để Hải thông báo lại cho L và Hiền. Sau đó, Hiền trực tiếp điện thoại thỏa thuận việc mua bán người, phương thức thanh toán với Hải.

Ngày 27/4/2015, Hiền từ Trung Quốc về Thành phố Hồ Chí Minh gặp Hải. Sau đó, Hải chở Hiền qua thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ gặp Loan và chị H. Sau khi chị H đồng ý đi Trung Quốc lấy chồng, Hiền đưa cho chị H 5.000.000đ, đưa cho Hải 1.000.000đ và Loan 1.000.000đ. Hải nói với Loan là nếu bán được chị H thì Hải sẽ nhận được 15.000.000đ, Loan sẽ nhận được 5.000.000đ.

Sáng ngày 06/5/2015, Hiền và chị H đi ô tô đến cửa khẩu Hữu Nghị - Lạng Sơn xuất cảnh qua Trung Quốc. Chiều ngày 07/5/2015, Hiền đưa chị H về đến nhà ở Phìn Xi, Sung Đỉnh, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Khi ở nhà Hiền bên Trung Quốc, Hiền giới thiệu cho chị H một người đàn ông Trung Quốc khoảng 46 tuổi nhưng chị H không đồng ý và đòi về Việt Nam. Thấy vậy, Hiền yêu cầu chị H muốn về Việt Nam thì phải nói với gia đình trả lại chi phí cho Hiền nhưng gia đình chị H không có tiền. Sau đó, chị H nói dối với Hiền là đồng ý lấy người đàn ông Trung Quốc với điều kiện là Hiền phải đưa chị H về Việt Nam đón con qua để tìm cơ hội bỏ trốn. Sau đó, Hiền nói với người đàn ông Trung Quốc nguyện vọng của chị H và ông này đồng ý. Người đàn ông Trung Quốc hứa cho Hiền 7 quan tiền Trung Quốc (1 quan tiền = 10.000 nhân dân tệ, 01 nhân dân tệ = 34.000đ tiền Việt Nam) nếu hoàn chỉnh thủ tục kết hôn với chị H. Người đàn ông này đưa trước cho Hiền 6.000 nhân dân tệ. Hiền đưa số tiền này cho chị H. Khi Hiền và chị H chuẩn bị về Việt Nam thì người đàn ông này đưa thêm cho Hiền 9.000 nhân

dân tộc. Còn lại 5,5 quan (55.000 nhân dân tộc) thì ông này nói sẽ chuyển qua ngân hàng cho Hiền số tiền 4,1 quan (41.000 nhân dân tộc) khi Hiền về Việt Nam, còn 1,4 quan (14.000 nhân dân tộc) khi nào chị H từ Việt Nam trở lại Trung Quốc và hoàn chỉnh thủ tục kết hôn thì ông ta sẽ trả hết. Sau đó, Hiền nói chị H đưa lại 6.000 nhân dân tộc để Hiền đổi thành tiền Việt Nam và sẽ đưa cho người nhà của chị H.

Ngày 14/5/2015, Hiền đưa chị H từ Trung Quốc về Việt Nam. Khi đến cửa khẩu Hữu Nghị, Hiền thuê người dẫn chị H đi đường mòn để vào Việt Nam còn Hiền nhập cảnh qua cửa khẩu. Sau đó, Hiền và chị H đi máy bay từ Hà Nội vào Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc 0h30' ngày 17/5/2015, lực lượng Biên phòng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phối hợp với Trung tâm an ninh hàng không Tân Sơn Nhất bắt giữ Hiền và mời chị H về trụ sở làm việc.

Ngày 30/3/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thị Hiền, Vũ Thị Kim Loan, Nguyễn Thị Hải và tuyên phạt Hiền 06 năm tù, Loan 05 năm tù, Hải 05 năm tù về tội “Mua bán người” theo quy định tại các điểm b, đ khoản 2 Điều 119 BLHS năm 1999; đồng thời xử lý về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp, vật chứng có L quan đến vụ án và các tài sản, giấy tờ không L quan đến việc phạm tội của bị cáo Hiền, Hải và Loan (bút lục số 35 – 39). Riêng Võ Thị Hồng L khi bị khởi tố do nuôi con nhỏ nên được tại ngoại, trong thời gian tại ngoại L đã bỏ trốn, do đó các giấy tờ của L gồm 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Võ Thị Hồng L; 01 (một) hộ chiếu số B9145556 mang tên Võ Thị Hồng L; 01 (một) passport số E57758404 vẫn chưa xử lý (hiện Cục thi án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 19/BB-CTHA ngày 02/02/2016).

Ngày 08/11/2020, Võ Thị Hồng L đến Công an tỉnh Cao Bằng đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 05/CT-VKS-P2 ngày 18/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã truy tố bị cáo Võ Thị Hồng L về tội “Mua bán người” theo điểm b, đ khoản 2 Điều 119 Bộ Luật hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo Võ Thị Hồng L về tội “Mua bán người” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, đ khoản 2 Điều 119 Bộ Luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt Võ Thị Hồng L từ 05 đến 06 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Luật sư Đặng Thế L phát biểu bào chữa cho bị cáo: Bị cáo tham gia đồng phạm với vai trò hạn chế, là người giúp sức; bị hại sau khi trở về Việt nam thì vụ án bị phát hiện và xử lý nên chưa gây hậu quả; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án thấp nhất.

Bị cáo thống nhất với ý kiến của Luật sư, không bào chữa bổ sung chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư Tạ Ngọc V phát biểu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư đồng ý với tội danh và điều luật truy tố và mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo như luận tội của Kiểm sát viên. Bị hại không yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định:

Nguyễn Thị Hiền và Võ Thị Hồng L đều lấy chồng ở Trung Quốc nên Hiền và L quen biết nhau. Hiền bàn bạc với L, Nguyễn Thị Hải và Vũ Thị Kim Loan tìm phụ nữ Việt Nam bán cho đàn ông Trung Quốc lấy làm vợ, nếu bán được 1 người Hiền đưa cho người phụ nữ đó 30.000.000đ; đưa cho L, Hải và Loan tổng cộng 30.000.000đ. Đến cuối tháng 4/2015, Loan tìm và biết được chị Lê Thị Bé H ở gần nhà Loan có hoàn cảnh khó khăn nên Loan nói chị H sang Trung Quốc để kết hôn với đàn ông Trung Quốc thì được 30.000.000đ, chị H đồng ý. Loan thông báo cho Hải, Hiền và L biết để Hiền về đưa chị H sang Trung Quốc. Ngày 05/5/2015, Hiền đưa chị H sang Trung Quốc. Hiền giới thiệu cho chị H một người đàn ông Trung Quốc nhưng chị H không đồng ý và đòi về Việt Nam. Sau đó, chị H nói dối với Hiền là đồng ý lấy người đàn ông Trung Quốc với điều kiện phải đưa chị H về Việt Nam đón con qua để tìm cơ hội bỏ trốn. Đến 0h30' ngày 17/5/2015, Hiền đưa chị H từ Trung Quốc về Việt Nam, khi xuống sân bay Tân Sơn Nhất thì bị lực lượng Biên phòng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phối hợp với Trung tâm an ninh hàng không Tân Sơn Nhất bắt giữ Hiền và mời chị H về trụ sở làm việc. Riêng đối với L bị khởi tố và cho tại ngoại nhưng L đã bỏ trốn, đến ngày 08/11/2020, L đến Công an tỉnh Cao Bằng đầu thú.

Hành vi của Hiền, L, Hải, Loan thể hiện ý chí cùng cố ý thực hiện tội phạm, có sự câu kết chặt chẽ. Do vậy, hành vi bị cáo Loan thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán người” với tình tiết định khung là có tổ chức, để đưa bị hại ra nước ngoài quy định tại b, đ khoản 2 Điều 119 Bộ Luật hình sự năm 1999 như bản luận tội của Viện kiểm sát đã quy kết.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người, gây ảnh hưởng rất xấu đến thuần phong mỹ tục, truyền thống người phụ nữ Việt Nam. Bị cáo nhận thức việc tìm kiếm, giới thiệu, đưa phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc để bán làm vợ là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi vẫn cố ý thực hiện. Sau khi phạm tội bị cáo còn bỏ trốn gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để giáo dục và răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Xét bị cáo sau khi bị khởi tố đã bỏ trốn nhưng đã đầu thú và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Xử lý vật chứng:

01 (một) chứng minh nhân dân tên Võ Thị Hồng L; 01 (một) hộ chiếu số B9145556 mang tên Võ Thị Hồng L; 01 (một) passport số E57758404 là giấy tờ cá nhân của bị cáo L nên trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Võ Thị Hồng L phạm tội “Mua bán người”.

Áp dụng điểm b, đ khoản 2 Điều 119 Bộ Luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt **Võ Thị Hồng L** 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2020.

2. Xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo Võ Thị Hồng L 01 (một) chứng minh nhân dân tên Võ Thị Hồng L; 01 (một) hộ chiếu số B9145556 mang tên Võ Thị Hồng L; 01 (một) passport số E57758404.

Vật chứng nêu trên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số 19/BB.CTHADS ngày 02/02/2016.

3. Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thời hạn tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Bị cáo; bị hại; Luật sư;
- Lưu: Tòa Hình sự, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trung Dũng